

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-ST
Ngày 10-5-2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P-TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên–Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Đức Q, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp GHA, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Dương Kim H, sinh năm 1964; Địa chỉ: cư xá P L B, phường 13, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Bị đơn Anh Phan Văn M, sinh năm 1972 và chị Phan Thị D, sinh năm 1981; Cùng địa chỉ: ấp TA, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ông M và bà D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2014 đến năm 2015 ông M, bà D có mua thức ăn nuôi tôm tại hộ kinh doanh của ông Q. Hai bên thoả thuận: ông Q bao thức ăn hết vụ nuôi, khi nào thu hoạch xong thì ông Q và bà D phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ cho ông Q. Thực hiện hợp đồng ông Q đã giao hàng đầy đủ và kịp thời theo yêu

cầu của ông M và bà D. Tính đến ngày 13/8/2014 thì ông M và bà D còn nợ ông Q số tiền là 238.270.500 đồng. Sau nhiều lần nhắc nhở thì ông M và bà D có trả cho ông Q số tiền là 99.757.500 đồng, số còn lại không trả tiếp nên tháng 01 năm 2021 ông Q khởi kiện ông M và bà D tại Toà án. Ngày 21/5/2021 ông với ông M thoả thuận: ông Q cho ông M và bà D trả dần, trả trước 50.000.000 đồng, số còn lại ngày 20/11/2021 phải trả hết, nếu ông M và bà D không trả nợ đúng theo cam kết thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải trả lãi suất số còn lại. Do ông với ông M và bà D thoả thuận được thời hạn và cách thức trả nợ nên ông rút đơn khởi kiện và Toà án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Thực hiện cam kết ông M và bà D có trả 50.000.000 đồng, số tiền còn lại là 88.513.000 đồng đến nay ông M và bà D vẫn chưa thanh toán cho ông Q. Ông Q yêu cầu Toà án giải quyết, buộc ông M và bà D có nghĩa vụ liên đới giao trả cho ông Q số tiền là 88.513.000 đồng nhưng ông Q chỉ yêu cầu 88.500.000 đồng và lãi suất chậm trả tính từ ngày 21/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là $88.500.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng} 19 \text{ ngày} = 8.545.265 \text{ đồng}$. Số còn lại 13.000 đồng ông Q không yêu cầu giải quyết.

Tổng cộng ông Q yêu cầu ông M và bà D phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho ông Q số tiền là 97.045.265 đồng, trả một lần.

Ông Q tự nguyện rút lại yêu cầu ông M và bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q nợ lãi là 53.454.735 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Phan Văn M trình bày:

Từ năm 2013-2017 ông và bà D có nhiều lần mua thức ăn, thuốc hoá chất của ông Q để nuôi tôm công nghiệp. Hình thức mua bán các bên chỉ thoả thuận bằng lời nói. Ông Q bao thuốc, thức ăn, hoá chất cho đến cuối vụ, vụ nào có lời thì vợ chồng ông phải trả đủ cho ông Q, vụ nào thua lỗ thì vợ chồng cũng cố gắng để trả, nếu không trả đủ thì vợ chồng sẽ nợ lại. Tính đến năm 2016 thì vợ chồng ông còn nợ ông Q 138.513.000 đồng. Đến năm 2021 ông Q khởi kiện, khi hoà giải ông với ông Hải thoả thuận: vợ chồng ông sẽ trả cho ông Q liền 50.000.000 đồng, số còn lại 88.513.000 đồng, ông Q đồng ý bớt cho vợ chồng ông 38.513.000 đồng, số còn lại 50.000.000 đồng vợ chồng phải có nghĩa vụ trả vào ngày 20/11/2021. Thực hiện cam kết vợ chồng ông có trả 50.000.000 đồng cho ông Q nên ông Q đã rút đơn khởi kiện, Toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Do tình hình dịch bệnh và kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng ông không trả nợ đúng cam kết. Nay ông cam kết sẽ trả số tiền là 50.000.000 đồng vào ngày 17/4/2022; số còn lại 38.513.000 đồng do ông Q đã cam kết bớt cho vợ chồng ông nên vợ chồng ông không đồng ý trả. Đối với số tiền lãi mà ông Q yêu cầu vợ chồng ông trả 62.000.000 đồng thì ông đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định.

Bị đơn bà Phan Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng bà D vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Phạm Văn M, bà Phan Thị D được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt là chưa chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật.

Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Q. Buộc ông Phan Văn M và bà Phan Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q số tiền là 88.500.000 đồng và nợ lãi tính từ thời điểm ông M và bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 21/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 05 tháng 19 ngày $\times 0,833\%/tháng = 4.152.921$ đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với đối với yêu cầu tính lãi của ông Q với tiền là 53.454.735 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Phan Văn M và bà Phan Thị D hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại số 225/5 ấp TA, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bị đơn ông Phan Văn M và bà Phan Thị D đã được Tòa án án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông M, bà D đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M và bà D.

[4] Xét yêu cầu của ông Q về việc tự nguyện rút lại yêu cầu ông M và bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q nợ lãi là 53.454.735 đồng. Xét thấy: việc rút yêu cầu khởi kiện này ông Q là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và Điều 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Ông Hải cho rằng, căn cứ giấy thỏa thuận ngày 21/5/2021 thì ông M và bà D phải có nghĩa vụ trả cho ông Q số tiền là 88.500.000 đồng và lãi suất trên số tiền còn lại. Do ông M và bà D vi phạm cam kết nên ông Q yêu cầu ông Hải 88.500.000 đồng và lãi suất chậm trả từ ngày 21/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 88.500.000 đồng $\times 0,83\%/tháng \times 11$ tháng 19 ngày = 8.545.265 đồng. Số còn lại 13.000 đồng ông Q không yêu cầu giải quyết. Việc ông M cho rằng ông có hứa bớt cho ông M và bà D số tiền 38.500.000 đồng là không đúng.

[5.2] Ông M thừa nhận ông và bà D còn nợ ông Q số tiền 88.500.000 đồng, do ông Q có hứa bớt cho ông và bà D số tiền 38.513.000 đồng nên ông đồng ý trả số tiền còn lại là 50.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi 62.000.000 đồng mà ông Q yêu cầu ông không đồng ý do trước đây ông Q với vợ chồng ông không có thỏa thuận nếu ông và bà D chậm trả thì phải lãi cho ông Q.

[6] Tại phiên tòa ông Hải cho rằng các nội dung thỏa thuận tại mục 1, 2, 3, 4, 5 tại trang 1 của “Giấy thỏa thuận” ngày 21/5/2021 là do ông Hải và ông M tự nguyện thỏa thuận với nhau. Còn nội dung “Tôi: Phạm Văn M sau đây tôi nêu ý kiến của tôi cho công ty là xin giảm lãi suất và nợ gốc là 6 tháng sau tôi gởi 50.000.000 đồng là hết số nợ cho tôi, tôi thành thật biết ơn” là do ông M tự ghi, ông không đồng ý nên trang 02 ông có ghi là “Tôi không đồng ý theo ý kiến của bị đơn”. Và từ trước đến nay ông và ông Q không có hứa bớt cho ông M và bà D số tiền là 38.513.000 đồng. Xét thấy: Căn cứ vào nội dung “Giấy thỏa thuận” ngày 21/5/2021 và lời trình bày của ông Hải, ông M có căn cứ khẳng định, việc ông M yêu cầu bớt số tiền 38.513.000 đồng là do ông M đề nghị, khi đó ông Hải không đồng ý, lúc đó ông M cũng không có ý kiến gì khác nên việc ông M cho rằng ngày 21/5/2021 ông Hải là người đại diện theo uỷ quyền của ông Q có cam kết bớt cho ông số tiền 38.513.000 đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận

[7] Xét thấy: Hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Q với ông M và bà D được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Ông M thừa nhận hiện nay ông và bà D còn nợ ông Q số tiền là 88.500.000 đồng. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; các bên đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy hợp đồng này làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện ông M và bà D đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó, việc ông Q yêu cầu ông M và bà D phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho ông Q số tiền là 88.500.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét yêu cầu ông Q về việc yêu cầu ông M và bà D phải có nghĩa vụ trả cho ông Q số tiền lãi phát sinh là 8.545.265 đồng. Xét thấy: Do ông M và bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông Q trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Q. Đồng thời, tại “Giấy thỏa thuận” ngày 21/5/2021 ông M có cam kết *“Nếu đến ngày 20/11/2021 ông M, bà D không trả đúng số nợ gốc trên thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật kể cả lãi suất số còn lại”*. Lẽ đó, việc ông Hải yêu cầu ông M và bà D phải có nghĩa vụ trả lãi chậm trả là phù hợp. Tuy nhiên, thời hạn tính lãi mà ông Hải yêu cầu tính từ ngày 21/5/2021 là

không phù hợp, bởi lẽ: căn cứ vào “Giấy thoả thuận” ngày 21/5/2021 ông Hải và ông M có thoả thuận vào ngày 20/11/2021 ông M và bà D phải có nghĩa vụ trả cho ông Q số tiền là còn lại nhưng ông M và bà D không thực hiện đúng cam kết nên ngày ông M và bà D vi phạm nghĩa vụ được tính từ ngày 21/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 10/5/2022 là 05 tháng 19 ngày. Mặt khác, do ông Hải và ông M không thoả thuận về mức lãi suất chậm trả nên căn cứ Điều 280 và Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự thì lãi suất được xác định là 10%/năm. Như vậy, lãi suất ông M và bà D phải trả cho ông Q được tính như sau: $88.500.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 05 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 4.152.921 \text{ đồng}$.

[9] Đối với số tiền 13.000 đồng nếu ông Q và ông M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[10] Do yêu cầu khởi kiện của ông Q được chấp nhận, nên ông M và bà D phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 430, 440, 357, 248 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2021; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức Q về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Phan Văn M và bà Phan Thị D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Đức Q nợ lãi là 53.454.735 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức Q. Buộc ông Phan Văn M và bà Phan Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Đức Q số tiền là 92.652.921 đồng, trong đó: nợ gốc là 88.500.000 đồng, nợ lãi là 4.152.921 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đối với số tiền 13.000 đồng nếu ông Q và ông M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Đức Q phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.212.500 đồng theo biên lai thu số 0003020 ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Chi Cục Thi hành dân huyện P. Ông Phan Đức Q được Chi Cục Thi hành dân huyện P hoàn trả số tiền là 1.912.500 đồng.

Ông Phan Văn M và bà Phan Thị D phải liên đới nộp là 4.632.646 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân

